TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2026/DS-ST
Ngày 05-3-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tuyết
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hoàng Văn Tấn
2. Ông Nguyễn Tiến Ngọc

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh tham gia phiên toà: ông Đặng Đức Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 05/3/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 247/2025/TLST-DS ngày 29/10/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05a/2026/QĐXX-ST ngày 06/01/2026 và quyết định hoãn phiên toà số 03/2026/QĐST-DS ngày 05/02/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Phạm Văn D – sinh năm 1960 (vắng mặt)
Địa chỉ: tổ dân phố P, phường V, tỉnh Bắc Ninh
Người đại diện theo uỷ quyền: Văn phòng Luật sư Vũ Anh H
Địa chỉ: số D, đường L, phường B, tỉnh Bắc Ninh
Người đại diện: luật sư Ong Thị T – Chức vụ: Trưởng Văn phòng (có mặt)
- *Bị đơn:* bà Đỗ Thị H1 – sinh năm 1972 (vắng mặt)
Địa chỉ: tổ dân phố N, phường V, tỉnh Bắc Ninh
- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: bà Nguyễn Thị L – sinh năm 1959 (vắng mặt – có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: tổ dân phố P, phường V, tỉnh Bắc Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án *nguyên đơn* và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Vợ chồng ông và bà Đỗ Thị H1 có mối quan hệ quen biết xã hội. Ngày 21/5/2020 dương lịch (tức ngày 29/4/2020 âm lịch), vợ chồng ông có cho bà Đỗ Thị H1 vay số tiền 130.000.000 đồng. Khi vay hai bên có viết giấy vay tiền, tại giấy vay tiền không thoả thuận thời hạn trả, có thoả thuận về lãi suất, nhưng

không thoả thuận cụ thể lãi suất là bao nhiêu, mục đích bà H1 vay tiền là để mua đất.

Từ khi vay tiền đến tháng 3/2023 bà H1 đã thanh toán trả được 02 lần: lần 1 trả ngày 27/12/2022 âm lịch (ngày 18/01/2023 dương lịch) số tiền trả là 11.000.000 đồng; lần 2 trả tháng 3 năm 2023 (không nhớ ngày) số tiền trả là 10.000.000 đồng.

Từ ngày 01/4/2023 đến nay bà H1 không trả vợ chồng ông thêm số tiền nào khác.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Toà án buộc cá nhân bà Đỗ Thị H1 phải thanh toán trả vợ chồng ông số tiền gốc là 130.000.000 đồng và tiền lãi theo mức 20%/ năm, từ ngày 21/5/2020 đến ngày 09/10/2025 là 140.115.068 đồng. Tổng cộng là 270.0115.068 đồng.

Bị đơn bà Đỗ Thị H1: đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bà H1 không đến Toà án làm việc, không có bản tự khai, không tham gia phiên họp, hoà giải. Do vậy Toà án không có lời khai của bà H1 và không tiến hành hoà giải giữa các đương sự được.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày: bà là vợ ông Phạm Văn D và có mối quan hệ quen biết với bà Đỗ Thị H1. Ngày 21/5/2020 vợ chồng bà có cho bà H1 vay số tiền 130.000.000 đồng. Khi vay có viết giấy vay tiền, tại giấy vay tiền không thoả thuận về thời hạn trả, có thoả thuận về lãi suất nhưng không thoả thuận cụ thể. Từ khi vay tiền đến nay bà H1 đã trả được số tiền là 51.000.000 đồng. Đến nay bà yêu cầu bà H1 phải thanh toán trả số tiền gốc 79.000.000 đồng và tiền lãi theo mức 10%/ năm, kể từ khi vay đến khi thanh toán xong khoản nợ. Bà đồng ý với việc khởi kiện của ông D và việc sửa đổi yêu cầu khởi kiện của ông D.

Tại phiên toà Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, xác định bà H1 đã 04 lần thanh toán trả nguyên đơn với tổng số tiền đã trả là 51.000.000 đồng, toàn bộ số tiền đã trả được xác định là trả tiền gốc và thay đổi mức tiền lãi yêu cầu bà H1 phải trả từ 20%/ năm xuống còn 10%/ năm. Do vậy yêu cầu Toà án buộc bà Đỗ Thị H1 phải thanh toán trả vợ chồng ông D, bà L số tiền gốc là 79.000.000 đồng, và trả tiền lãi theo mức 10%/ năm tương ứng với số tiền gốc tại từng thời điểm thanh toán cho đến ngày bà H1 thanh toán xong khoản nợ, cụ thể:

Từ ngày 21/5/2020 đến ngày 18/01/2023 (ngày bà H1 thanh toán trả số tiền 11.000.000 đồng) là 02 năm 07 tháng 27 ngày: 130.000.000 đồng x 10%/ năm x 02 năm 07 tháng 27 ngày = 34.558.333 đồng

Từ ngày 19/01/2023 đến ngày 30/3/2023 (ngày bà H1 thanh toán trả số tiền 10.000.000 đồng) là 119.000.000 x 10%/ năm x 02 tháng 11 ngày = 2.016.388 đồng.

Từ ngày 01/4/2023 đến ngày 28/11/2025 (ngày bà H1 thanh toán trả số tiền 10.000.000 đồng) là 02 năm 07 tháng 27 ngày = 109.000.000 đồng x 10%/ năm x 02 năm 07 tháng 27 ngày = 28.975.833 đồng.

Từ ngày 29/11/2025 đến ngày 06/12/2025 (ngày bà H1 thanh toán trả số tiền 20.000.000 đồng) là 07 ngày = 99.000.000 x 10%/ năm x 07 ngày = 192.500 đồng

Từ ngày 07/12/2025 đến ngày 05/3/2026 (ngày xét xử sơ thẩm) là 02 tháng 28 ngày = 79.000.000 đồng x 10%/ năm x 02 tháng 28 ngày = 1.931.110 đồng.

Tộng cộng tiền lãi là: 34.558.333 đồng + 2.016.388 đồng + 28.975.833 đồng + 192.500 đồng + 1.931.110 đồng = 67.674.114 đồng.

Theo đó, tổng số tiền gốc và lãi tôi yêu cầu chị H1 phải trả cho tôi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 79.000.000 + 67.674.114 = 146.674.114 đồng (*Một trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm bẩy tư nghìn một trăm mười bốn đồng*)

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Tòa án và Hội đồng xét xử, nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn D. Buộc bà Đỗ Thị H1 phải trả ông Phạm Văn D, bà Nguyễn Thị L số tiền 146.674.114 đồng, trong đó tiền gốc là 79.000.000 đồng và tiền lãi là 67.674.114 đồng.

Về án phí: Bà Đỗ Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông Phạm Văn D được miễn nộp tạm ứng án phí nên không phải hoàn trả tiền tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: bị đơn bà Đỗ Thị H1 trú tại tổ dân phố N, phường V, tỉnh Bắc Ninh. Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả khoản tiền theo giấy vay tiền, căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 21/5/2020 ông D, bà L cho bà Đỗ Thị H1 vay tiền, hợp đồng vay tiền không thoả thuận về thời hạn trả tiền, đến tháng 3/2023 bà H1 vẫn thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông D, bà L. Đến ngày

09/10/2025 ông Phạm Văn D khởi kiện vụ án tại Toà án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh. Căn cứ Điều 429 Bộ luật tố tụng dân sự là đảm bảo thời hiệu khởi kiện.

[4] Về phạm vi yêu cầu khởi kiện: Về số tiền nguyên đơn khởi kiện buộc bà H1 phải thanh toán: Tại đơn khởi kiện ngày 09/10/2025 nguyên đơn yêu cầu bà H1 phải thanh toán số tiền nợ gốc là 130.000.000 đồng và tiền lãi theo mức 20%/ năm. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Toà án buộc bà H1 phải thanh toán số tiền nợ gốc là 79.000.000 đồng và tiền lãi theo mức 10%/ năm tương ứng với số tiền gốc tại từng thời điểm thanh toán cho đến ngày thực tế bà H1 thanh toán hết nợ, nguyên đơn trình bày lý do là do sau khi Toà án tiến hành thụ lý vụ án bà H1 đã tiếp tục thanh toán trả thêm cho nguyên đơn số tiền 30.000.000 đồng, tổng cộng bà H1 đã trả cho nguyên đơn số tiền là 51.000.000 đồng và nguyên đơn xác định bà H1 thanh toán trả tiền gốc. Hội đồng xét xử xét thấy: việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (thay đổi số tiền) không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Do vậy, cần căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự để chấp nhận thay đổi yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[5] Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn bà Đỗ Thị H1 vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L vắng mặt có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu do phía nguyên đơn xuất trình và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện giữa ông Phạm Văn D, bà Nguyễn Thị L và bà Đỗ Thị H1 có mối quen hệ quen biết. Ngày 21/5/2020 ông D, bà L đã cho bà H1 vay số tiền là 130.000.000 đồng, khi vay tiền có viết giấy vay tiền, tại giấy vay tiền không thoả thuận thời hạn trả và có thoả thuận về lãi suất.

Từ khi vay đến ngày 06/12/2025 bà H1 đã thanh toán trả được số tiền là 51.000.000 đồng, cụ thể:

Ngày 18/01/2023 trả 11.000.000 đồng

Tháng 3/2023 trả 10.000.000 đồng

Ngày 28/11/2025 trả 10.000.000 đồng

Ngày 06/12/2025 trả 20.000.000 đồng

Nguyên đơn xác định toàn bộ số tiền 51.000.000 đồng bà H1 đã trả là trả vào tiền gốc và yêu cầu bà H1 phải thanh toán trả số tiền gốc còn lại là 79.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp với nội dung giấy vay tiền ngày 21/5/2020 giữa các đương sự nên yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn D là có căn cứ, cần được chấp nhận, cần buộc bà H1 phải trả ông D số tiền gốc là 79.000.000 đồng.

[6] Về lãi suất: Tại phiên toà người đại diện theo uỷ quyền của ông Phạm Văn D yêu cầu Toà án buộc bà Đỗ Thị H1 phải thanh toán lãi suất theo mức 10%/ năm tương ứng với số tiền gốc mà bà H1 vay và từng thời điểm bà H1 Thanh toán.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại giấy vay tiền ngày 21/5/2020 các đương sự có thoả thuận về lãi suất, tuy nhiên mức lãi suất cụ thể thì không thoả thuận, đến nay ông Phạm Văn D yêu cầu tính lãi suất theo mức 10%/ năm đối với số tiền bà H1 đã vay là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Do vậy cần buộc bà H1 phải thanh toán tiền lãi khoản vay cho ông Phạm Văn D, Cụ thể:

Từ ngày 21/5/2020 đến ngày 18/01/2023 là 02 năm 07 tháng 27 ngày: 130.000.000 đồng x 10%/ năm x 02 năm 07 tháng 27 ngày = 34.558.333 đồng

Từ ngày 19/01/2023 đến ngày 30/3/2023 là 119.000.000 x 10%/ năm x 02 tháng 11 ngày = 2.016.388 đồng.

Từ ngày 01/4/2023 đến ngày 28/11/2025 là 02 năm 07 tháng 27 ngày = 109.000.000 đồng x 10%/ năm x 02 năm 07 tháng 27 ngày = 28.975.833 đồng.

Từ ngày 29/11/2025 đến ngày 06/12/2025 là 07 ngày = 99.000.000 x 10%/ năm x 07 ngày = 192.500 đồng

Từ ngày 07/12/2025 đến ngày 05/3/2026 là 02 tháng 28 ngày = 79.000.000 đồng x 10%/ năm x 02 tháng 28 ngày = 1.931.110 đồng.

Tộng cộng tiền lãi là: 34.558.333 đồng + 2.016.388 đồng + 28.975.833 đồng + 192.500 đồng + 1.931.110 đồng = 67.674.114 đồng.

Theo đó, tổng số tiền gốc và lãi bà H1 phải trả cho ông D, bà Lý T1 đến ngày xét xử sơ thẩm là: **79.000.000 + 67.674.114 = 146.674.114 đồng.**

[7] Về án phí: bà Đỗ Thị H1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ông Phạm Văn D được miễn nộp tạm ứng án phí nên không phải hoàn trả tiền tạm ứng án phí.

Cụ thể bà Đỗ Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 146.674.114 đồng x 5% = 7.333.705 đồng

Xét đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án tại phiên tòa là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 429, Điều 244, Điều 271, Điều 273 – Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn D

2. Buộc bà Đỗ Thị H1 phải có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Văn D, bà Nguyễn Thị L số tiền 146.674.114 đồng (*Một trăm bốn sáu triệu sáu trăm bẩy tư nghìn một trăm mười bốn đồng*), trong đó tiền gốc là 79.000.000 đồng (bẩy chín

triệu đồng chẵn) và tiền lãi là 67.674.114 đồng (*sáu bẩy triệu sáu trăm bẩy tư nghìn một trăm mười bốn đồng*).

Kể từ ngày có đơn của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Án phí: Bà Đỗ Thị H1 phải chịu 7.333.705 đồng (*Bẩy triệu ba trăm ba ba nghìn bẩy trăm linh năm đồng*) tiền án phí DSST.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Ninh;
-VKSND tỉnh Bắc Ninh;
-VKSND khu vực 2 -Bắc Ninh;
-Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Đỗ Thị Tuyết